TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1191/2026/DS-PT
Ngày: 28 - 8 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mạc Thị Chiên**

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Thọ**

Bà **Hà Thị Phương Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Khánh Linh** – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà **Lưu Thị Kim Chúc** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1151/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2026/DS-ST ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1280/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1155/2026/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1443/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị L, sinh 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã K, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp K, xã K, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị Hồng Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2025 và lời trình bày của nguyên đơn bà Đoàn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị Hồng Đ có vay của bà nhiều lần với số tiền tổng cộng là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Cụ thể: Ngày 10/8/2025 vay 20.000.000 đồng; Ngày 15/8/2025 vay 40.000.000 đồng, hai khoản vay này bà đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Văn L1 nên không làm biên nhận; ngày 16/8/2025 vay 50.000.000 đồng; ngày 16/8/2025 vay 10.000.000 đồng, hai khoản vay này có làm biên nhận cùng ngày vay. Ông L1 và bà Trần Thị Hồng Đ hứa trả trong thời hạn một tháng nhưng sau đó đến hạn thì không thực hiện.

Nay bà Đoàn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị Hồng Đ trả lại cho bà số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 05/10/2025 đến khi vụ án được xét xử xong theo mức lãi suất do Nhà nước quy định.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02/3/2026 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Ông thừa nhận chỉ vay của bà L số tiền 60.000.000 đồng, ông nhận tiền bằng hình thức nhận chuyển khoản từ bà L vào tài khoản ngân hàng của ông và có làm giấy (biên nhận), nhưng sau đó bà L cho rằng có một khoản vay là tiền của em bà L nêu yêu cầu ông viết lại biên nhận ngày 15/8/2025 với số tiền vay là 50.000.000 đồng và ngày 16/8/2025 với số tiền 10.000.000 đồng, hai biên nhận trước đó bà L đã tự tay hủy bỏ. Ông đồng ý trả cho bà L số tiền đã vay là 60.000.000 đồng và xin được trả dần, hàng tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02/3/2026 bị đơn bà Trần Thị Hồng Đ trình bày tương tự như lời trình bày nêu trên của ông Nguyễn Văn L1. Bà cũng đồng ý cùng ông L1 trả cho bà L số tiền đã vay là 60.000.000 đồng và xin được trả dần, hàng tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị L. Buộc ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị Hồng Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đoàn Thị L số tiền còn nợ là 125.843.200 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đoàn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị Hồng Đ còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho Đoàn Thị L theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án có tuyên về quyền kháng cáo, chi phí thẩm định, tố tụng và tiền án phí.

Ngày 10/4/2026, bị đơn Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị Hồng Đ kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 62/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

Ông Nguyễn Văn L1 đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng bao gồm tiền lãi.

Bà Trần Thị Hồng Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm và bà không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn vì bà cho rằng bà không có mượn tiền nguyên đơn, đồng thời yêu cầu giám định chữ kí trong biên nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Bị đơn trình bày: Phần 60.000.000 đồng theo biên nhận ông không đồng ý trả cho nguyên đơn vì phần này thực chất là số tiền đã chuyển khoản, bà L nói có 10.000.000 đồng là của người em nên yêu cầu viết biên nhận để tách riêng ra nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu này của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: Hai khoản tiền vay hoàn toàn khác nhau, không phải là một vì số tiền chuyển khoản không trùng khớp với biên nhận nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía bị đơn có đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trần Hồng Đ vắng mặt, tuy nhiên bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 xét xử vắng mặt bà Đ.

[2] Xét về nội dung kháng cáo của bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 60.000.000 đồng, yêu cầu giám định chữ ký trong biên nhận nợ:

[2.1] Xét thấy, đối với khoản tiền cho vay được chuyển khoản vào ngày 10/8/2025 là 20.000.000 đồng; ngày 15/8/2025 là 40.000.000 đồng, hai khoản vay

này bà L đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Văn L1 nên không làm biên nhận, ông L1 và bà Đ thừa nhận đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền trên theo như bản án sơ thẩm nên không kháng cáo phần này.

[2.1] Đối với khoản tiền vay được lập biên nhận cụ thể: Ngày 16/8/2025 vay 50.000.000 đồng; ngày 16/8/2025 vay 10.000.000 đồng, hai khoản vay này có làm biên nhận cùng ngày vay. Ông L1 và bà Đ cho rằng khoản vay này là khoản vay mà ông, bà đã nhận chuyển khoản và có làm biên nhận do bà L cho rằng có một khoản tiền là của em bà L nên có yêu cầu ông, bà viết lại biên nhận và bà L đã hủy bỏ hai biên nhận cũ. Bà L không thừa nhận việc này, tiền chuyển khoản qua ngân hàng, ông L1 bà Đ không có chứng cứ chứng minh chính là số tiền mà ông bà ký trong biên nhận. Bởi vì, đối chiếu số tiền được ghi nhận trong biên nhận ngày 15/8/2025 là 50.000.000 đồng và biên nhận ngày 16/8/2025 là 10.000.000 đồng không trùng khớp với số tiền chuyển khoản 40.000.000 đồng vào ngày 15/8/2025 và 10.000.000 đồng vào ngày 10/8/2025. Ông L1 và bà Đ đã thừa nhận có viết biên nhận cho bà L đối với hai khoản vay này, không chứng minh được đó là khoản vay đã chuyển khoản qua ngân hàng nên cấp sơ thẩm buộc ông L1 và bà Đ thanh toán khoản vay theo biên nhận nợ là có căn cứ. Việc bà Đ kháng cáo yêu cầu giám định chữ ký trong biên nhận là không cần thiết vì tại cấp sơ thẩm bà Đ và ông L1 đã thừa nhận có ký vào biên nhận nêu trên.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ mới. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Xét Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 62/2026/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Trần Thị Hồng Đ và bị đơn Nguyễn Văn L1 mỗi phải chịu 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà Đ, ông L1 đã đóng theo Biên lai thu số 0008025 và Biên lai thu số 0008026 ngày 24/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 28/8/2026).

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 10 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mạc Thị Chiên